

PHỤ LỤC 06
PHÂN BỐ ĐẦU THẺ BHYT CHO CƠ SỞ KCB BHYT BAN ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số: 2085/SYT-NVY ngày 31/3/2026 của Sở Y tế Quảng Ninh)

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý II.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
1	22001		Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Công lập	Tỉnh	Cấp chuyên sâu	Hạng 1	75	97,533	225,000	Chuyển thẻ về TYT (dự kiến 40.515 thẻ)
2	22020		Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh - Cơ sở 2	Bệnh viện đa khoa Hạ Long	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 1	19	14,574	57,000	Giữ nguyên
3	22002		Bệnh viện Bãi Cháy	Bệnh viện Bãi Cháy	Công lập	Tỉnh	Cấp chuyên sâu	Hạng 1	59	90,721	177,000	Chuyển thẻ về TYT (dự kiến 38.068 thẻ)
4	22044		Bệnh viện phổi Quảng Ninh	Bệnh viện phổi Quảng Ninh	Công lập	Tỉnh	Cấp cơ bản	Hạng 2	11	20,862	9,640	Chuyển thẻ mã HS, GD về TYT Cao Xanh
5	22005	22044	Phòng khám đa khoa khu vực Hà Tu - Trực thuộc Bệnh viện Phổi Quảng Ninh	Phòng khám đa khoa khu vực Hà Tu - Trung tâm y tế thành phố Hạ Long	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	7	15,513	15,513	Giữ nguyên
10	22087	22044	Trạm y tế phường Hà Lâm	Trạm y tế phường Hà Lâm	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	4	22,467	22,467	Giữ nguyên
11	22183	22044	Trạm y tế phường Hà Lâm - Điểm trạm	Trạm y tế phường Hà Trung	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,837	3,837	Giữ nguyên
12	22179	22044	Trạm Y tế phường Cao Xanh	TYT Cao Xanh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	5	90	11,222	Tiếp nhận thẻ KCB BHYT ban đầu, Hướng dẫn người dân có nhu cầu tự đăng ký khám ban đầu về TYT
14	22160	22044	Trạm Y tế phường Hà Tu	TYT Hà Tu	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	6	-	10,000	Tiếp nhận thẻ KCB BHYT ban đầu, Hướng dẫn người dân có nhu cầu tự đăng ký khám ban đầu về TYT
15	22324	22044	Trạm Y tế phường Hồng Gai	TYT Trần Hưng Đạo	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	6	-	10,000	Tiếp nhận thẻ KCB BHYT ban đầu từ BV tỉnh
16	22325	22044	Trạm Y tế phường Hạ Long	TYT Hồng Hải	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	-	10,000	Tiếp nhận thẻ KCB BHYT ban đầu từ BV tỉnh
17	22045		Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	Công lập	Tỉnh	Cấp cơ bản	Hạng 2	10	9,159	3,322	Chuyển thẻ mã HS, GD về TYT Tuần Châu
18	22058	22045	Trạm y tế phường Tuần Châu	Trạm y tế phường Đại Yên	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	34	6,000	Tiếp nhận thẻ BHYT từ BV LK-PHCN
19	22159	22045	Trạm y tế phường Tuần Châu - Điểm trạm	Trạm y tế phường Tuần Châu	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	41	6,000	Tiếp nhận thẻ BHYT từ BV LK-PHCN
20	22318	22045	Trạm Y tế phường Việt Hưng	TYT Hà Khẩu	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	-	6,000	Giữ nguyên, dự kiến tiếp nhận thẻ từ BV Bãi Cháy với các đối tượng trên địa bàn phường Việt Hưng
21	22059	22045	Trạm Y tế phường Việt Hưng - Điểm trạm 1	Trạm y tế phường Việt Hưng	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	5,786	10,000	Giữ nguyên, dự kiến tiếp nhận thẻ từ BV Bãi Cháy với các đối tượng trên địa bàn phường Việt Hưng
22	22320	22045	Trạm Y tế phường Việt Hưng - Điểm trạm 2	TYT Giếng Đáy	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	-	6,000	Giữ nguyên, dự kiến tiếp nhận thẻ từ BV Bãi Cháy với các đối tượng trên địa bàn phường Việt Hưng
23	22321	22045	Trạm Y tế phường Bãi Cháy	TYT Bãi Cháy	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	6	-	20,000	Giữ nguyên, dự kiến tiếp nhận thẻ từ BV Bãi Cháy với các đối tượng trên địa bàn phường Bãi Cháy
24	22322	22045	Trạm Y tế phường Bãi Cháy - Điểm trạm ĐỪNG KHÁM BHYT	TYT Hùng Thắng	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	-	0	đang trong giai đoạn sắp xếp, kiện toàn, chưa đăng kí thẻ KCB BHYT ban đầu
25	22220	22045	Trạm Y tế phường Hoành Bồ	TYT Hoành Bồ	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	-	0	Giữ nguyên
26	22073	22045	Trạm Y tế phường Hoành Bồ - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Sơn Dương	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,530	2,969	Giữ nguyên

PHỤ LỤC 06

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý 11.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
27	22071	22045	Trạm Y tế phường Hoàn Bồ - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Lê Lợi	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	2,792	3,422	Giữ nguyên
28	22407	22045	Trạm Y tế phường Hoàn Bồ - Điểm trạm 3	phân trạm Cài - TYT Đồng Lâm	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	-	0	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
29	22072	22045	Trạm Y tế xã Thống Nhất	Trạm y tế xã Thống Nhất	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	8,580	6,718	Giữ nguyên
30	22221	22045	Trạm Y tế xã Thống Nhất - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Hòa Bình	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	385	764	Giữ nguyên
31	22222	22045	Trạm Y tế xã Thống Nhất - Điểm trạm 3	Trạm y tế xã Vũ Oai	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	659	1,108	Giữ nguyên
32	22227	22045	Trạm Y tế xã Thống Nhất - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Đồng Lâm	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	429	2,188	Giữ nguyên
33	22074	22045	Trạm Y tế xã Quảng La	Trạm y tế xã Quảng La	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	5,114	3,467	Giữ nguyên
34	22223	22045	Trạm Y tế xã Quảng La - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Tân Dân	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	469	1,922	Giữ nguyên
35	22224	22045	Trạm Y tế xã Quảng La - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Dân Chủ	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	394	738	Giữ nguyên
39	22035		Trạm y tế thuộc Công ty TNHH MTV đóng tàu Hạ Long	Trạm y tế thuộc Công ty TNHH MTV đóng tàu Hạ Long	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,301	1,291	Giữ nguyên
40	22037		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	607	601	Giữ nguyên
41	22051		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần VIGLACERA Hạ Long	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần VIGLACERA Hạ Long	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	965	993	Giữ nguyên
42	22105		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,143	3,196	Giữ nguyên
43	22108		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,871	1,871	Giữ nguyên
44	22111		Trạm y tế thuộc Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	Trạm y tế thuộc Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,440	3,175	Giữ nguyên
45	22137		Trạm y tế thuộc Công ty Than Hòn Gai - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty Than Hòn Gai - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	4,084	4,123	Giữ nguyên
46	22157		Bệnh xá thuộc Công an tỉnh Quảng Ninh	Bệnh xá thuộc Công an tỉnh Quảng Ninh	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	37	38	Giữ nguyên
47	22167		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	3,274	3,296	Giữ nguyên
48	22168		Trạm y tế thuộc Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,251	1,265	Giữ nguyên
49	22170		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Giám định - Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Giám định - Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	496	516	Giữ nguyên
50	22095		Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phá	Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phá	Công lập	Huyện	Cấp cơ bản	Hạng 2	22	17,164	16,541	Giữ nguyên
51	22009	22095	Trạm Y tế phường Cửa Ông	Trạm y tế phường Cẩm Phú	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	4	7,754	9,788	Giữ nguyên
52	22011	22095	Trạm Y tế phường Cửa Ông - Điểm trạm 1	Trạm y tế phường Cửa Ông	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	16,865	11,569	Giữ nguyên
53	22140	22095	Trạm Y tế phường Cửa Ông - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Cẩm Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,506	7,089	Giữ nguyên
54	22248	22095	Trạm Y tế xã Hải Hoà	Trạm y tế xã Hải Hoà	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,308	3,416	Giữ nguyên
55	22010	22095	Trạm Y tế phường Mông Dương	Trạm y tế phường Mông Dương	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	9,310	8,872	Giữ nguyên
56	22250	22095	Trạm Y tế phường Mông Dương - Điểm trạm	Trạm y tế xã Dương Huy	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,184	1,799	Giữ nguyên

PHỤ LỤC 06

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý 11.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
57	22007		Bệnh viện đa khoa Cẩm phá	Bệnh viện đa khoa Cẩm phá	Công lập	Huyện	Cấp cơ bản	Hạng 2	30	44,117	37,116	Giữ nguyên
58	22128	22007	Trạm Y tế phường Cẩm Phá	Trạm y tế phường Cẩm Trung	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,894	4,045	Giữ nguyên
59	22133	22007	Trạm Y tế phường Cẩm Phá - Điểm trạm 1	Trạm y tế phường Cẩm Đông	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	6,320	9,556	Giữ nguyên
60	22245	22007	Trạm Y tế phường Cẩm Phá - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Cẩm Bình	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	4,315	5,579	Giữ nguyên
61	22008	22007	Trạm Y tế phường Quang Hanh	Trạm y tế phường Quang Hanh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	15,435	11,886	Giữ nguyên
62	22241	22007	Trạm Y tế phường Quang Hanh - Điểm trạm	Trạm y tế phường Cẩm Thủy	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	7,821	12,982	
66	22038		Trạm y tế thuộc Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phá	Trạm y tế thuộc Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phá	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	578	583	Giữ nguyên
67	22097		Trạm y tế thuộc Công ty Xây lắp mỏ-TKV	Trạm y tế thuộc Công ty Xây lắp mỏ-TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,101	2,098	Giữ nguyên
68	22101		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Chế tạo máy- Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Chế tạo máy- Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	729	720	Giữ nguyên
69	22109		Trạm y tế thuộc Công ty than Thống Nhất - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty than Thống Nhất - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,305	3,286	Giữ nguyên
70	22110		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Móng Dương - Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Than Móng Dương - Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,285	3,295	Giữ nguyên
71	22121		Trạm y tế thuộc Công ty than Khe Chàm - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty than Khe Chàm - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,370	3,288	Giữ nguyên
72	22123		Trạm y tế thuộc Công ty than Dương Huy - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty than Dương Huy - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,473	3,402	Giữ nguyên
73	22124		Trạm y tế thuộc Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phá-Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phá-Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,365	1,377	Giữ nguyên
74	22126		Trạm Y tế thuộc Công ty CP Than Cao Sơn - TKV	Trạm Y tế thuộc Công ty CP Than Cao Sơn - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,183	3,176	Giữ nguyên
75	22129		Trạm y tế thuộc Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,875	2,966	Giữ nguyên
76	22135		Trạm y tế Công ty cổ phần than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV	Trạm y tế Công ty cổ phần than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,072	3,289	Giữ nguyên
78	22144		Trạm y tế thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường-TKV	Trạm y tế thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường-TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,135	1,167	Giữ nguyên
79	22146		Trạm y tế thuộc Công ty than Quang Hanh - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty than Quang Hanh - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	2,644	2,726	Giữ nguyên
80	22147		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	617	470	Giữ nguyên
81	22165		Trạm y tế thuộc Công ty than Hạ Long - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty than Hạ Long - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	3,664	3,728	Giữ nguyên
82	22030		Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Ưông Bí	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Ưông Bí	Công lập	Tỉnh	Cấp chuyên sâu	Hạng 1	33	42,087	29,434	Chuyển thẻ về TYT Ưông Bí (dự kiến 12.653 thẻ)
84	22012	22017	Phòng khám đa khoa Trung tâm - Trục thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Yên	Trung tâm y tế thành phố Ưông Bí	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	10	17,981	17,981	Giữ nguyên

PHỤ LỤC 06

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý 11.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
85	22013	22017	Phòng khám đa khoa khu vực Nam Khê - Trục thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Yên	Phòng khám đa khoa KV Nam Khê-Trung tâm y tế thành phố Uông Bí	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	7	14,922	14,922	Giữ nguyên
86	22202	22017	Trạm Y tế phường Yên Tử	Trạm y tế phường Phương Nam	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	7,898	7,898	Giữ nguyên
87	22203	22017	Trạm Y tế Phường Yên Tử - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Thượng Yên Công	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,093	3,093	Giữ nguyên
88	22271	22017	Trạm Y tế Phường Yên Tử - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Phương Đông	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	7,645	7,645	Giữ nguyên
89	22014	22017	Trạm Y tế phường Vàng Danh	Trạm y tế phường Bắc Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,127	2,127	Giữ nguyên
90	22210	22017	Trạm Y tế phường Vàng Danh - Điểm trạm 1	Trạm y tế phường Vàng Danh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	21	21	Giữ nguyên
91	22296	22017	Trạm Y tế phường Vàng Danh - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Trưng Vương	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,921	2,921	Giữ nguyên
92	22297	22017	Trạm y tế phường Uông Bí - Điểm trạm	Trạm y tế phường Yên Thanh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,166	2,166	Giữ nguyên
93	22317	22017	Trạm y tế phường Uông Bí	Trạm y tế phường Thanh Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	7	2,493	14,000	Dự kiến tiếp nhận 12.653 thẻ từ BV VN-TĐ UB
94	22036		Trạm y tế thuộc Công ty nhiệt điện Uông Bí	Trạm y tế thuộc Công ty nhiệt điện Uông Bí	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	698	698	Giữ nguyên
95	22047		Trạm y tế thuộc Công ty Kho vận Đá Bạc-Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty Kho vận Đá Bạc-Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,348	1,348	Giữ nguyên
96	22096		Trạm y tế thuộc Công ty than Nam Mẫu - TKV	Trạm y tế thuộc Công ty than Nam Mẫu - TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	4,109	4,109	Giữ nguyên
97	22116		Trạm y tế thuộc Công ty Than Uông Bí -TKV	Trạm y tế thuộc Công ty Than Uông Bí -TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	4	4,864	4,864	Giữ nguyên
98	22181		Trạm y tế thuộc Công ty TNHH MTV công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc-MICCO	Trạm y tế thuộc Công ty TNHH MTV công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc-MICCO	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	300	300	Giữ nguyên
99	22369		Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	Trạm y tế thuộc Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	5,666	5,666	Giữ nguyên
100	22989		Trạm y tế Việt Thuận - Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận	Trạm y tế Việt Thuận - Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận	Ngoài công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,726	1,726	Giữ nguyên
101	22026	22022	Bệnh viện đa khoa khu vực Tiên Yên - Cơ sở 2	Trung tâm y tế huyện Ba Chẽ	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 2	5	4,093	4,093	Giữ nguyên
102	22275	22022	Trạm Y tế xã Lương Minh	Trạm y tế xã Lương Minh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	4,352	4,352	Giữ nguyên
103	22228	22022	Trạm Y tế xã Lương Minh - Điểm Trạm	Trạm y tế xã Đông Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	325	325	Giữ nguyên
104	22076	22022	Trạm Y tế xã Kỳ Thượng - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Đạp Thanh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,021	1,021	Giữ nguyên
105	22226	22022	Trạm Y tế xã Kỳ Thượng - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Kỳ Thượng	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	488	488	Giữ nguyên
106	22077	22022	Trạm Y tế xã Kỳ Thượng	Trạm y tế xã Thanh Lâm	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,476	3,476	Giữ nguyên
107	22078	22022	Trạm Y tế xã Ba Chẽ - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Thanh Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	241	241	Giữ nguyên
108	22079	22022	Trạm Y tế xã Ba Chẽ	Trạm y tế xã Đồn Đạc	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	10,268	10,268	Giữ nguyên
109	22080	22022	Trạm Y tế xã Ba Chẽ - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Nam Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	533	533	Giữ nguyên
111	22025	22022	Bệnh viện đa khoa khu vực Tiên Yên - Cơ sở 3	Trung tâm y tế huyện Bình Liêu	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 2	7	7,497	7,497	Giữ nguyên
112	22090	22022	Phòng khám đa khoa khu vực Hoành Mỏ - Trục thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Tiên Yên	Phòng khám đa khoa KV Hoành Mỏ thuộc Trung tâm y tế huyện Bình Liêu	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	1	5,051	5,051	Giữ nguyên
113	22280	22022	Trạm Y tế xã Bình Liêu	TYT thị trấn Bình Liêu	22280	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	-	2,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
114	22093	22022	Trạm Y tế xã Bình Liêu- Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Vô Ngai	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	3	4,030	4,030	Giữ nguyên
115	22086	22022	Trạm y tế xã Bình Liêu - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Húc Đông	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	2,681	2,681	Giữ nguyên
116	22951	22022	Trạm y tế xã Hoành Mỏ	TYT xã Hoành Mỏ	22090	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	-	4,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
117	22089	22022	Trạm Y tế xã Hoành Mỏ - Điểm trạm	Trạm y tế xã Đông Văn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,962	2,962	Giữ nguyên
118	22092	22022	Trạm Y tế xã Lục Hồn	Trạm y tế xã Lục Hồn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	5,156	5,156	Giữ nguyên

PHỤ LỤC 06

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý 11.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
119	22091	22022	Trạm Y tế xã Lục Hồn - Điểm trạm	Trạm y tế xã Đông Tâm	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,498	3,498	Giữ nguyên
120	22029	22021	Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn - Cơ sở 2	Trung tâm y tế huyện Cô Tô	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 3	7	3,427	3,427	Giữ nguyên
121	22278	22021	Trạm Y tế đặc khu Cô Tô	Trạm y tế xã Đông Tiến	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,674	1,674	Giữ nguyên
122	22277	22021	Trạm Y tế đặc khu Cô Tô - Điểm trạm	Trạm y tế xã Thanh Lân	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,315	1,315	Giữ nguyên
123	22024	22027	Bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái - Cơ sở 3	Trung tâm y tế huyện Đầm Hà	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 2	9	10,433	10,433	Giữ nguyên
124	22099	22027	Trạm Y tế xã Đầm Hà	Trạm y tế xã Tân Lập	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,890	1,890	Giữ nguyên
125	22299	22027	Trạm Y tế xã Đầm Hà - Điểm trạm 1	TYT thị trấn Đầm Hà	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	-	2,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
126	22274	22027	Trạm Y tế xã Đầm Hà - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Đầm Hà	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	4,447	4,447	Giữ nguyên
127	22253	22027	Trạm Y tế xã Đầm Hà - Điểm trạm 3	Trạm y tế xã Tân Bình	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,289	1,289	Giữ nguyên
128	22273	22027	Trạm Y tế xã Đầm Hà - Điểm trạm 4	Trạm y tế xã Đại Bình	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,686	1,686	Giữ nguyên
129	22272	22027	Trạm Y tế xã Quảng Tân	Trạm y tế xã Dục Yên	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,582	1,582	Giữ nguyên
130	22254	22027	Trạm Y tế xã Quảng Tân - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Quảng Tân	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	5,751	5,751	Giữ nguyên
131	22276	22027	Trạm Y tế xã Quảng Tân - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Quảng An	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,365	3,365	Giữ nguyên
132	22252	22027	Trạm Y tế xã Quảng Tân - Điểm trạm 3	Trạm y tế xã Quảng Lâm	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,932	1,932	Giữ nguyên
133	22023	22027	Bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái - Cơ sở 2	TTYT huyện Hải Hà	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 2	13	38,597	38,597	Giữ nguyên
134	22205	22027	Trạm Y tế xã Đường Hoa	Trạm y tế xã Quảng Long	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,722	1,722	Giữ nguyên
135	22212	22027	Trạm Y tế xã Đường Hoa - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Đường Hoa	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	6,290	6,290	Giữ nguyên
136	22218	22027	Trạm Y tế xã Đường Hoa - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Quảng Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,087	2,087	Giữ nguyên
137	22300	22027	Trạm Y tế xã Quảng Hà	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,773	1,773	Giữ nguyên
138	22209	22027	Trạm Y tế xã Quảng Hà - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Quảng Phong	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,147	2,147	Giữ nguyên
139	22206	22027	Trạm Y tế xã Quảng Hà - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Quảng Minh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,821	2,821	Giữ nguyên
140	22211	22027	Trạm Y tế xã Quảng Hà - Điểm trạm 3	Trạm y tế xã Quảng Chính	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,811	2,811	Giữ nguyên
141	22215	22027	Trạm Y tế xã Quảng Đức	Trạm y tế xã Quảng Thành	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,809	1,809	Giữ nguyên
142	22217	22027	Trạm Y tế xã Quảng Đức - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Quảng Đức	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,864	3,864	Giữ nguyên
143	22207	22027	Trạm Y tế xã Quảng Đức - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	438	438	Giữ nguyên
144	22219	22027	Trạm Y tế xã Cái Chiên	Trạm y tế xã Cái Chiên	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	593	593	Giữ nguyên
145	22022		Bệnh viện đa khoa khu vực Tiên Yên	TTYT huyện Tiên Yên	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 2	12	17,812	17,812	Giữ nguyên
146	22234	22022	Trạm Y tế xã Điện Xá	Trạm y tế xã Điện Xá	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	5,258	5,258	Giữ nguyên
147	22239	22022	Trạm Y tế xã Điện Xá - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Hà Lâu	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	66	66	Giữ nguyên
148	22233	22022	Trạm Y tế xã Điện Xá - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Yên Than	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	13	13	Giữ nguyên
149	22236	22022	Trạm Y tế xã Tiên Yên	Trạm y tế xã Tiên Lãng	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	34	34	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
150	22235	22022	Trạm Y tế xã Tiên Yên - Điểm trạm	Trạm y tế xã Phong Dụ	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	519	519	Giữ nguyên
151	22237	22022	Trạm Y tế xã Hải Lạng	Trạm y tế xã Hải Lạng	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	5,799	5,799	Giữ nguyên
152	22142	22022	Trạm Y tế xã Hải Lạng - Điểm trạm	Trạm y tế xã Đông Rui	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,247	1,247	Giữ nguyên
153	22083	22022	Trạm Y tế Đông Ngũ	Trạm y tế xã Đông Ngũ	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	13,089	13,089	Giữ nguyên
154	22238	22022	Trạm Y tế Đông Ngũ - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Đại Dực	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	246	246	Giữ nguyên
155	22825	22022	Trạm Y tế Đông Ngũ - Điểm trạm 2	phần trạm Đại Thành - TYT Đại Dực	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	-	2,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
165	22021		Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn	TTYT huyện Vân Đồn	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 3	15	16,977	16,977	Giữ nguyên
166	22936	22021	Phòng khám đa khoa khu vực Quan Lạn - Trực thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn	Phòng khám đa khoa khu vực Quan Lạn	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	3	17	17	Giữ nguyên
167	22066	22021	Trạm Y tế Vân Hải	Trạm y tế xã Quan Lạn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,781	3,781	Giữ nguyên

PHỤ LỤC 06

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý 11.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
168	22070	22021	Trạm Y tế Văn Hải - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Minh Châu	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,127	1,127	Giữ nguyên
169	22068	22021	Trạm Y tế Văn Hải - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Bàn Sen	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	984	984	Giữ nguyên
170	22069	22021	Trạm Y tế Văn Hải - Điểm trạm 3	Trạm y tế xã Thăng Lợi	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,690	1,690	Giữ nguyên
171	22067	22021	Trạm Y tế Văn Hải - Điểm trạm 4	Trạm y tế xã Ngọc Vũng	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	787	787	Giữ nguyên
172	22141	22021	Trạm Y tế Cái Bàu	Trạm y tế xã Đông Xá	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	8,955	8,955	Giữ nguyên
173	22231	22021	Trạm Y tế Cái Bàu - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Đoàn Kết	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,033	2,033	Giữ nguyên
174	22145	22021	Trạm Y tế Cái Bàu - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Hạ Long	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	6,618	6,618	Giữ nguyên
175	22229	22021	Trạm Y tế Cái Bàu - Điểm trạm 3	Trạm y tế xã Đài Xuyên	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,305	3,305	Giữ nguyên
176	22232	22021	Trạm Y tế Cái Bàu - Điểm trạm 4	Trạm y tế xã Vạn Yên	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,113	1,113	Giữ nguyên
180	22015		Bệnh viện đa khoa khu vực Đông Triều	Trung tâm y tế thành phố Đông Triều	Công lập	Huyện	Tam xếp cấp cơ bản	Hạng 2	25	60,130	60,130	Giữ nguyên
181	22016	22015	Phòng khám đa khoa khu vực Mạo Khê - Trục thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Đông Triều	Phòng khám đa khoa khu vực Mạo Khê	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	5	5,003	5,003	Giữ nguyên
182	22198	22015	Trạm Y tế phường Bình Khê	Trạm y tế phường Bình Khê	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,860	1,860	Giữ nguyên
183	22040	22015	Trạm Y tế phường Bình Khê - Điểm trạm	Trạm y tế xã Trảng Lương	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	867	867	Giữ nguyên
184	22049	22015	Trạm Y tế phường An Sinh	Trạm y tế phường Bình Dương	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,346	2,346	Giữ nguyên
185	22052	22015	Trạm Y tế phường An Sinh - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã An Sinh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	4,073	4,073	Giữ nguyên
186	22197	22015	Trạm y tế Phường An Sinh - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Việt Dân	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,299	2,299	Giữ nguyên
187	22050	22015	Trạm Y tế phường Hoàng Quế	Trạm y tế xã Hồng Thái Tây	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,158	2,158	Giữ nguyên
188	22187	22015	Trạm Y tế phường Hoàng Quế - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Hồng Thái Đông	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,671	3,671	Giữ nguyên
189	22053	22015	Trạm Y tế phường Hoàng Quế - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Hoàng Quế	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	6,538	6,538	Giữ nguyên
190	22194	22015	Trạm Y tế phường Đông Triều	Trạm y tế phường Hồng Phong	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,099	1,099	Giữ nguyên
191	22085	22015	Trạm Y tế phường Đông Triều - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Nguyễn Huệ	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,007	2,007	Giữ nguyên
192	22054	22015	Trạm Y tế phường Đông Triều - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Thủy An	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,620	1,620	Giữ nguyên
193	22196	22015	Trạm Y tế phường Đông Triều - Điểm trạm 3	Trạm y tế phường Đức Chính	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	802	802	Giữ nguyên
194	22191		Trạm Y tế phường Mạo Khê	TYT Mạo Khê	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	4	-	8,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
195	22188	22015	Trạm Y tế phường Mạo Khê - Điểm trạm 1	Trạm y tế phường Yên Thọ	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	602	602	Giữ nguyên
196	22192	22015	Trạm Y tế phường Mạo Khê - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Xuân Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,038	1,038	Giữ nguyên
201	22042		Bệnh viện Than - khoáng sản cơ sở 2	Trung tâm y tế Than KV Mạo Khê (Cơ sở 1)	Công lập	Huyện	Cấp cơ bản	Hạng 3	11	43,296	43,296	Giữ nguyên
202	22043	22042	Phòng khám đa khoa khu vực Vàng Danh	Trung tâm y tế Than Khu vực Mạo Khê (Cơ sở 2)	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	10	8,382	8,382	Giữ nguyên
203	22120		Trạm y tế thuộc Công ty than Mạo Khê -TKV	Trạm y tế thuộc Công ty than Mạo Khê -TKV	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	3,847	3,847	Giữ nguyên
206	22027		Bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	TTYT thành phố Móng Cái	Công lập	Huyện	Tam xếp cấp cơ bản	Hạng 2	16	20,402	20,402	Giữ nguyên
208	22082	22027	Trạm Y tế xã Hải Ninh	Trạm y tế xã Hải Tiến	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	5,458	5,458	Giữ nguyên
209	22259	22027	Trạm Y tế xã Hải Ninh - Điểm Trạm	Trạm y tế xã Quảng Nghĩa	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	2,837	2,837	Giữ nguyên
210	22256	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 1	Trạm y tế phường Hải Hoà	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	7,393	7,393	Giữ nguyên
211	22265	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 1 - Điểm trạm 1	Trạm y tế phường Trà Cỏ	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	7,168	7,168	Giữ nguyên
212	22255	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 1 - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Hải Xuân	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	6,661	6,661	Giữ nguyên

PHỤ LỤC 06

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý 11.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
213	22267	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 1 - Điểm trạm 3	Trạm y tế phường Trần Phú	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	10,243	10,243	Giữ nguyên
214	22260	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 2	Trạm y tế xã Vạn Ninh	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	4,692	4,692	Giữ nguyên
215	22266	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 2 - Điểm trạm	Trạm y tế phường Ninh Dương	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	6,993	6,993	Giữ nguyên
216	22258	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 3	Trạm y tế xã Hải Đông	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	7,522	7,522	Giữ nguyên
217	22257	22027	Trạm Y tế phường Móng Cái 3 - Điểm trạm	Trạm y tế phường Hải Yên	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	7,192	7,192	Giữ nguyên
218	22261	22027	Trạm Y tế xã Hải Sơn	Trạm y tế xã Hải Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,340	1,340	Giữ nguyên
219	22262	22027	Trạm Y tế Hải Sơn - Điểm trạm	Trạm y tế xã Bắc Sơn	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	1,918	1,918	Giữ nguyên
220	22263	22027	Trạm Y tế xã Vĩnh Thục	Trạm y tế xã Vĩnh Thục	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	1	5,268	5,268	Giữ nguyên
225	22017		Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Yên	TTYT thị xã Quảng Yên	Công lập	Huyện	Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 2	36	73,814	73,814	Giữ nguyên
226	22019	22017	Phòng khám đa khoa khu vực Hà Nam - Trực thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Yên	Phòng khám đa khoa khu vực Hà Nam	Công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	7	8,393	0	Chuyển thẻ BHYT về Trạm Y tế phường Liên Hòa - Điểm Trạm 1
228	22289	22017	Trạm Y tế phường Liên Hoà	Trạm y tế xã Liên Hòa	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	4,628	4,628	Giữ nguyên
229	22061	22017	Trạm Y tế phường Liên Hòa - Điểm Trạm 1	Trạm y tế phường Phong Hải	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	55	55	Giữ nguyên
230	22290	22017	Trạm Y tế phường Liên Hòa - Điểm Trạm 2	Trạm y tế xã Liên Vị	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	3,668	3,668	Giữ nguyên
231	22291	22017	Trạm Y tế phường Liên Hòa - Điểm Trạm 3	Trạm y tế xã Tiền Phong	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	518	518	Giữ nguyên
232	22304	22017	Trạm Y tế phường Quảng Yên	Trạm y tế phường Quảng Yên	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	435	435	Giữ nguyên
233	22062	22017	Trạm Y tế phường Quảng Yên - Điểm trạm	Trạm y tế xã Tiền An	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	2,315	2,315	Giữ nguyên
234	22284	22017	Trạm Y tế phường Hà An	Trạm y tế phường Hà An	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	8,380	8,380	Giữ nguyên
235	22063	22017	Trạm y tế phường Hà An - Điểm trạm	Trạm y tế xã Hoàng Tân	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,368	1,368	Giữ nguyên
236	22282	22017	Trạm Y tế phường Đông Mai	Trạm y tế phường Đông Mai	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	4,144	4,144	Giữ nguyên
237	22064	22017	Trạm Y tế phường Đông Mai - Điểm trạm	Trạm y tế phường Minh Thành	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	2,385	2,385	Giữ nguyên
238	22292	22017	Trạm Y tế phường Hiệp Hòa	Trạm y tế xã Hiệp Hòa	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	2,744	2,744	Giữ nguyên
239	22065	22017	Trạm Y tế phường Hiệp Hòa - Điểm trạm 1	Trạm y tế xã Sông Khoai	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	4,347	4,347	Giữ nguyên
240	22283	22017	Trạm Y tế phường Hiệp Hòa - Điểm trạm 2	Trạm y tế phường Cộng Hòa	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	849	849	Giữ nguyên
242	22288	22017	Trạm Y tế phường Phong Cốc	Trạm y tế phường Phong Cốc	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	4,471	4,471	Giữ nguyên
243	22294	22017	Trạm Y tế phường Phong Cốc - Điểm trạm 1	Trạm y tế phường Nam Hòa	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	1,004	1,004	Giữ nguyên
244	22287	22017	Trạm Y tế phường Phong Cốc - Điểm trạm 2	Trạm y tế xã Cẩm La	Công lập	Xã	Cấp ban đầu	Hạng 4	2	794	794	Giữ nguyên
83	22811		Bệnh viện đa khoa quốc tế Hà Nội-Quảng Ninh	Bệnh viện đa khoa quốc tế Hà Nội-Quảng Ninh	Tư nhân		Tạm xếp cấp cơ bản	Hạng 3	10	6	20,000	Tiếp nhận thẻ khi người dân đăng ký tối đa 10.000
37	22370		Chi Nhánh Công ty CP Bệnh viện đa khoa quốc tế VinMec - Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hạ Long	Chi Nhánh Công ty CP Bệnh viện đa khoa quốc tế VinMec - Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hạ Long	Ngoài công lập	Huyện	Cấp cơ bản	Hạng 3	17	193	34,000	Giữ nguyên
38	22401		Phòng khám đa khoa Hoàng Anh	Phòng khám đa khoa Hoàng Anh	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	7	23	14,000	Tiếp nhận thẻ khi người dân đăng ký tối đa 6000
65	22406		Phòng khám đa khoa tư nhân Cẩm Phả- Công ty TNHH Thiên Phúc	Phòng khám đa khoa tư nhân Cẩm Phả- Công ty TNHH Thiên Phúc	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	3	1	6,000	Tiếp nhận thẻ khi người dân đăng ký tối đa 6000
178	22410		Phòng khám đa khoa Văn Đồn- Công ty TNHH dịch vụ y tế Văn Đồn	Phòng khám đa khoa Văn Đồn- Công ty TNHH dịch vụ y tế Văn Đồn	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	4	39	8,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
204	22876		Phòng khám đa khoa Kinh Bắc - Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Kinh Bắc	Phòng khám đa khoa Kinh Bắc - Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Kinh Bắc	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	9	42	18,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu

PHỤ LỤC 06

STT	Mã	Mã cấp trên	Tên mới	Tên cũ	Loại BV	Tuyển CMKT trước 01.01.2025	Cấp CMKT	Hạng BV	Số bàn khám	Số thẻ đến hết 15/3/2026	Dự kiến số lượng thẻ trong quý 11.2026/số thẻ tối đa	Các nội dung điều chỉnh
223	22921		Phòng khám đa khoa chất lượng cao Nam Việt - Công ty cổ phần đầu tư y tế Quảng Ninh	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Nam Việt - Công ty cổ phần đầu tư y tế Quảng Ninh	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	7	16	14,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
157	22661		Chi nhánh phòng khám đa khoa Thiên Tân - Công ty TNHH TM và dịch vụ y tế Thiên Tân	Chi nhánh phòng khám đa khoa Thiên Tân - Công ty TNHH TM và dịch vụ y tế Thiên Tân	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 3	7	18	14,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
	22876		Phòng khám đa khoa Kinh Bắc - Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Kinh Bắc	Phòng khám đa khoa Kinh Bắc - Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Kinh Bắc	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 4	7		14,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
	22929		Phòng khám đa khoa Quốc tế Toàn Tâm - Công ty CP DV Y tế chăm sóc sức khỏe Toàn Tâm	Phòng khám đa khoa Quốc tế Toàn Tâm - Công ty CP DV Y tế chăm sóc sức khỏe Toàn Tâm	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 5	7		14,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
	22678		Phòng khám đa khoa 68 - Công ty TNHH 1TV dịch vụ khám chữa bệnh 268	Phòng khám đa khoa 68 - Công ty TNHH 1TV dịch vụ khám chữa bệnh 269	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 6	7		14,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
	22887		Phòng khám đa khoa Quốc tế The Medicare Quảng Ninh	Phòng khám đa khoa Quốc tế The Medicare Quảng Ninh	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 7	7		14,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
	22797		Phòng khám đa khoa Hồng Quảng - Công ty cổ phần Y tế Hồng Quảng	Phòng khám đa khoa Hồng Quảng - Công ty cổ phần Y tế Hồng Quảng	Ngoài công lập	Huyện	Cấp ban đầu	Hạng 8	7		14,000	Tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu
Tổng cộng									763	1,242,814		